

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định chuyển nhượng và quản lý, vận hành các công trình cấp nước tập trung nông thôn trên địa bàn tỉnh Hưng Yên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 về việc Sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch; số 124/2011/NĐ-CP ngày 28/12/2011 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 117; số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 131/QĐ/2009/QĐ-TTg ngày 02/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư và quản lý khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn;

Căn cứ Thông tư Liên tịch số 37/2014/TTLT- BNNPTNT- BTC- BKHĐT ngày 31/10/2014 của liên Bộ: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Tài chính - Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn thực hiện Quyết định số 131/2009/QĐ-TTg ngày 02/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Tài chính: Số 54/2013/TT-BTC ngày 04/5/2013 quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác công trình cấp nước sạch tập trung nông thôn; số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định;

Căn cứ Thông báo số 190/TB-UBND ngày 16/9/2016 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc thông báo Ý kiến kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh về Quy hoạch cấp nước sạch và Quy định chuyển nhượng và quản lý vận hành các công trình cấp nước tập trung nông thôn;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 153/TTr-SNN ngày 30/9/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chuyển nhượng và quản lý, vận hành các công trình cấp nước tập trung nông thôn trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 28/10/2016 và thay thế Quyết định số 11/2011/QĐ-UBND ngày 29/6/2011 của UBND tỉnh về việc quy định Cơ chế đầu tư và Mô hình quản lý công trình nước sạch nông thôn tỉnh Hưng Yên.

Điều 3. Chánh văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và PTNT, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Nội vụ, Lao động, Thương binh và Xã hội, Cục Thuế tỉnh, Kho bạc nhà nước tỉnh, Điện lực Hưng Yên; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Giám đốc Trung tâm nước Sinh hoạt và Vệ sinh môi trường nông thôn Hưng Yên và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT^{LT}.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**



Đặng Ngọc Quỳnh

QUY ĐỊNH

**Chuyển nhượng và quản lý, vận hành các công trình
cấp nước tập trung nông thôn trên địa bàn tỉnh Hưng Yên**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 21/2016/QĐ-UBND
ngày 24/10/2016 của UBND tỉnh)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi áp dụng

Quy định này quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung gồm:

1. Công trình được đầu tư từ Chương trình Mục tiêu Quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn (Chương trình NTP); Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.
2. Công trình được đầu tư từ Chương trình nước sạch và vệ sinh nông thôn dựa trên kết quả tại 08 tỉnh đồng bằng sông Hồng vay vốn ngân hàng thế giới - WB (Chương trình PforR).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Trung tâm nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn, Doanh nghiệp (Công ty trách nhiệm hữu hạn, Công ty cổ phần, Doanh nghiệp tư nhân), tổ chức, cá nhân tham gia chuyển nhượng và quản lý, vận hành công trình cấp nước tập trung nông thôn.
2. Các đối tượng khác liên quan đến việc quản lý, vận hành công trình cấp nước tập trung nông thôn.

Điều 3. Điều kiện thực hiện

Tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng công trình cấp nước sạch tập trung nông thôn được lựa chọn theo các điều kiện sau:

1. Năng lực kinh nghiệm: Đã là nhà đầu tư, nhà thầu đã xây dựng hoặc đang quản lý tối thiểu một công trình cấp nước sạch tập trung.
2. Năng lực tài chính: Doanh nghiệp không đang trong thời kỳ công bố giải thể, không có các khoản nợ xấu, không có khả năng chi trả; có thuyết minh phương án sản xuất, kinh doanh phù hợp để có thể trả giá trị chuyển nhượng.
3. Năng lực quản lý, vận hành công trình: Có chức năng đầu tư, quản lý vận hành, kinh doanh nước sạch.

4. Có cam kết tiếp nhận nguyên trạng tài sản và lực lượng nhân viên, người lao động đang quản lý và vận hành công trình.

CHƯƠNG II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Quy định về nhận nợ và hoàn trả nhận nợ

1. Quy định về nhận nợ: Đơn vị, Doanh nghiệp nhận chuyển nhượng công trình phải nhận nợ với Nhà nước theo giá trị chuyển nhượng được ghi trong quyết định chuyển nhượng.

2. Hoàn trả khoản nhận nợ vốn do Nhà nước đầu tư: Đơn vị, Doanh nghiệp nhận chuyển nhượng công trình, thực hiện hoàn trả số tiền nhận nợ với Nhà nước theo phương thức và thời hạn được ghi trong Quyết định chuyển nhượng, bao gồm:

a) Nộp tiền mặt vào Tài khoản tiền gửi của Sở Tài chính, tỉnh Hưng Yên.

b) Sở Tài chính có trách nhiệm quản lý số tiền hoàn trả của các doanh nghiệp nhận chuyển nhượng và sử dụng số tiền thu được để hoàn trả vốn vay Ngân hàng Thế giới tại Hợp đồng cho vay lại ngày 16/10/2013 giữa UBND tỉnh Hưng Yên và Bộ Tài chính.

c) Phần vốn còn lại ưu tiên chi trả các công trình cấp nước do Trung tâm Nước làm Chủ đầu tư còn thiếu vốn; chi trả nhà đầu tư phần vốn góp trong trường hợp chuyển nhượng không thành công đối với công trình NTP, hỗ trợ ưu đãi cho các nhà đầu tư (theo cơ chế ưu đãi đầu tư đối với cấp nước nông thôn khi được UBND tỉnh phê duyệt) đối với các nhà đầu tư các dự án cấp nước nông thôn khác. Xem xét tái đầu tư các công trình cấp nước xây mới ở những vùng khó khăn về nguồn nước hoặc đầu tư thay đổi nguồn nước thô cho các công trình do Trung tâm Nước đầu tư, hiện đang lấy nguồn từ sông Bắc Hưng Hải.

3. Phần vốn đóng góp của nhân dân được doanh nghiệp hoàn trả chủ sở hữu dưới hình thức trừ dần vào giá tiêu thụ nước sạch hàng năm; hoặc các hình thức khác theo sự thỏa thuận của doanh nghiệp và người dân góp vốn.

4. Sau khi hoàn trả hết số tiền nhận nợ thì công trình thuộc tài sản của đơn vị, doanh nghiệp. Doanh nghiệp thực hiện việc quản lý, sử dụng và khai thác công trình theo quy định của Pháp luật và Quy định này.

Điều 5. Quy định về hình thức chuyển nhượng và thời gian nhận nợ

1. Đối với công trình thuộc Chương trình nước sạch và vệ sinh nông thôn dựa trên kết quả tại 08 tỉnh đồng bằng sông Hồng vay vốn ngân hàng thế giới (WB): Chuyển nhượng bằng hình thức đấu giá.

a) Thời gian nhận nợ là 20 năm, tính từ ngày doanh nghiệp nhận bàn giao công trình.

b) Quy định hoàn trả phần vốn vay 30% giá trị công trình theo Hợp đồng vay lại ngày 16/10/2013 giữa UBND tỉnh Hưng Yên và Bộ Tài Chính: Doanh nghiệp nhận chuyển nhượng chi trả vào ngày 15 tháng 4 và 15 tháng 10 hàng năm, theo 02 giai đoạn: Giai đoạn trước và bao gồm ngày 15/10/2027, áp dụng tỷ lệ 1,65% tổng dư nợ gốc; giai đoạn còn lại đến và bao gồm ngày 15/10/2037 áp dụng tỷ lệ 3,35% tổng dư nợ gốc, cộng với phần lãi vay theo hợp đồng vay vốn.

c) Quy định hoàn trả 60 % giá trị công trình tiếp theo, phần vốn nhà nước: Giai đoạn trước và bao gồm ngày 15/10/2027, áp dụng tỷ lệ 3,3% tổng dư nợ gốc; giai đoạn còn lại đến và bao gồm ngày 15/10/2037 áp dụng tỷ lệ 6,7% tổng dư nợ gốc.

d) Quy định xử lý 10 % giá trị công trình, phần vốn nhân dân đóng góp:

Phần vốn đóng góp của nhân dân được doanh nghiệp hoàn trả chủ sở hữu dưới hình thức trừ dần vào giá tiêu thụ nước sạch được xác định hàng năm; hoặc các hình thức khác theo sự thỏa thuận của doanh nghiệp và người góp vốn.

2. Đối với công trình cấp nước thuộc Chương trình Mục tiêu quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn: Chuyển nhượng bằng hình thức chỉ định; Ưu tiên chuyển nhượng cho các doanh nghiệp đang quản lý vận hành công trình; khuyến khích các doanh nghiệp nhận chuyển nhượng công trình trả tiền một lần, các công trình còn lại quy định như sau:

a) Đối với các công trình hoàn thành bàn giao đến năm 2010: Quy định thời gian trả nợ là 10 năm, tính từ ngày ký biên bản bàn giao công trình; Doanh nghiệp hoàn trả tiền nhận nợ thực hiện vào ngày 31 tháng 12 hàng năm; các khoản trả gốc 05 năm đầu áp dụng tỷ lệ 6,6%; các khoản trả 05 năm cuối áp dụng tỷ lệ 13,4%.

b) Đối với các công trình hoàn thành bàn giao sau năm 2010: Quy định thời gian trả nợ là 20 năm, tính từ ngày ký biên bản bàn giao công trình; Doanh nghiệp hoàn trả tiền nhận nợ thực hiện vào ngày 31 tháng 12 hàng năm; các khoản trả gốc 10 năm đầu áp dụng tỷ lệ 3,3%; các khoản trả 10 năm cuối áp dụng tỷ lệ 6,7%.

Điều 6. Quy trình lựa chọn doanh nghiệp để chuyển nhượng

1. Phê duyệt, công khai danh mục công trình chuyển nhượng.

Sở Nông nghiệp và PTNT tổng hợp danh mục công trình sẽ chuyển nhượng trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và công khai trên mạng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh để kêu gọi các doanh nghiệp tham gia đăng ký nhận chuyển nhượng.

2. Xác định giá trị chuyển nhượng.

a) Giá trị chuyển nhượng: Là nguyên giá tài sản phần vốn Nhà nước đầu tư còn lại theo quy định, không bao gồm chi phí đền bù giải phóng mặt bằng và chi phí đầu tư xây dựng Trạm biến áp - đường dây điện.

b) Xác định giá chuyển nhượng: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì thuê đơn vị tư vấn có chức năng thẩm định giá, xác định giá trị còn lại của công trình theo quy định, trên cơ sở giá trị quyết toán công trình, gửi Sở Tài chính thẩm định và trình UBND tỉnh phê duyệt giá chuyển nhượng.

3. Hồ sơ đề nghị nhận chuyển nhượng.

Căn cứ tiêu chí, đánh giá, lựa chọn được công bố công khai, doanh nghiệp lập hồ sơ đề nghị tiếp nhận công trình nộp về Sở Nông nghiệp và PTNT (do Trung tâm Nước sinh hoạt và Vệ sinh môi trường nông thôn là đầu mối), hồ sơ gồm:

a) Tờ trình đề nghị chuyển nhượng và quản lý, vận hành công trình.

b) Tài liệu chứng minh năng lực của doanh nghiệp (*Gồm: Tài liệu về năng lực kinh nghiệm; năng lực tài chính; năng lực quản lý, kinh doanh, vận hành công trình*).

c) Phương án sản xuất, kinh doanh nhằm quản lý, khai thác có hiệu quả và nâng cao chất lượng cấp nước sạch cho nhân dân.

d) Cam kết trả số tiền nhận nợ với Nhà nước trong đó có phương án hoàn trả số tiền nhận nợ với Nhà nước theo phương thức và thời gian cụ thể.

e) Cam kết tiếp nhận nguyên trạng tài sản; tiếp nhận, sử dụng và bảo đảm quyền lợi hợp pháp đối với số lao động đang trực tiếp quản lý, vận hành các công trình cấp nước sạch tập trung nông thôn.

4. Tổ chức đánh giá, lựa chọn doanh nghiệp để chuyển nhượng công trình.

a) Căn cứ Hồ sơ đề nghị của doanh nghiệp và các tiêu chí đánh giá, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổng hợp, đánh giá, trình UBND tỉnh quyết định chuyển nhượng cho doanh nghiệp.

b) Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Hồ sơ đề nghị của doanh nghiệp, giá chuyển nhượng ban hành Quyết định chuyển nhượng công trình, bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

- Tên đơn vị, doanh nghiệp được chuyển nhượng;
- Địa điểm xây dựng công trình thu, khu xử lý;
- Năm xây dựng công trình, năm hoàn thành đưa vào sử dụng;
- Diện tích đất xây dựng công trình đầu mối; diện tích xây dựng từng hạng mục công trình;
- Công suất thiết kế, công suất thực tế;

- Phạm vi cấp nước của Nhà máy;
- Giá trị tài sản công trình, phân định cụ thể từng nguồn vốn: vốn vay Ngân hàng thế giới, vốn ngân sách nhà nước, vốn doanh nghiệp đã đối ứng, vốn đóng góp của nhân dân, kinh phí đền bù giải phóng mặt bằng, kinh phí xây dựng phân trạm biến áp và đường dây.
- Phương thức hoàn trả các khoản nợ với nhà nước, thời gian hoàn trả.

Điều 7. Chính sách ưu đãi và hỗ trợ

1. Ưu đãi về đất: Không tính kinh phí giải phóng mặt bằng vào giá trị chuyển nhượng; miễn tiền thuê đất.
2. Ưu đãi về điện: không tính kinh phí đầu tư xây dựng Trạm biến áp - đường dây vào giá trị chuyển nhượng;
3. Ưu đãi về thuế: Được hưởng các chính sách miễn, giảm thuế quy định đối với hoạt động sản xuất kinh doanh nước sinh hoạt nông thôn;
4. Ưu đãi khác: Doanh nghiệp nhận chuyển nhượng được hưởng các ưu đãi khác khi Chính phủ, UBND tỉnh phê duyệt chính sách ưu đãi hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư xây dựng, kinh doanh nước sạch trên địa bàn tỉnh.

CHƯƠNG III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Lộ trình thực hiện chuyển nhượng và xử lý chuyển tiếp trong thời gian chờ chuyển nhượng

1. Đối với các công trình thuộc Chương trình PforR
 - a) Thực hiện chuyển nhượng xong trước 6/2019; trong thời gian chờ Quyết định của UBND tỉnh về chuyển nhượng công trình, tạm giao cho Trung tâm Nước sinh hoạt và Vệ sinh môi trường nông thôn quản lý, vận hành và khai thác các công trình hoàn thành, hạch toán theo quy định.
 - b) Trường hợp các công trình đấu giá không thành công, tiếp tục giao cho Trung tâm nước sinh hoạt và Vệ sinh môi trường nông thôn quản lý vận hành công trình đến thời điểm chuyển nhượng được công trình.
2. Đối với các công trình thuộc Chương trình NTP
 - a) Thực hiện chuyển nhượng công trình, xong trước 6/2017, trong thời gian chờ chuyển nhượng công trình tạm giao cho các đơn vị, doanh nghiệp đang quản lý, vận hành công trình, hạch toán theo quy định.
 - b) Trường hợp các công trình ở các địa phương dân cư kinh tế khó khăn hoặc mới đầu tư, giá trị xây dựng công trình lớn, quản lý vận hành thu không đủ bù chi và trả khoản nhận nợ với nhà nước, giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì phối hợp với Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh cơ chế hỗ trợ

doanh nghiệp.

c) Trường hợp chỉ định không thành công, giao sở Tài chính sử dụng kinh phí thu được từ chuyển nhượng các công trình khác chi trả cho nhà đầu tư phần vốn góp sau đó thu hồi công trình giao cho Trung tâm nước sinh hoạt và Vệ sinh môi trường nông thôn quản lý vận hành công trình.

Điều 9. Xử lý vi phạm

a) Doanh nghiệp chậm trả kinh phí nhận nợ đến 06 (sáu) tháng kể từ ngày đến hạn phải trả, sẽ phải nộp phạt một khoản lãi bằng 150% phần lãi của giá trị phải trả, theo quy định của Ngân hàng Nhà nước tại thời điểm phạt.

b) Doanh nghiệp nhận chuyển nhượng có hành vi vi phạm Quyết định chuyển nhượng công trình; Quy định này; các quy định khác của Pháp luật khác có liên quan hoặc chậm trả kinh phí nhận nợ đến 12 (mười hai) tháng, kể từ ngày đến hạn phải trả sẽ bị thu hồi Quyết định chuyển nhượng và trả phải trả Nhà nước phần kinh phí chậm trả, tính đến thời điểm thu hồi.

c) Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo giám sát việc thực hiện hoàn trả kinh phí nhận nợ; chủ trì xử lý vi phạm và tham mưu UBND tỉnh quyết định thu hồi đối với các công trình thuộc diện phải thu hồi.

Điều 10. Tổ chức thực hiện

1. Các sở, ngành và các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện:

a) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Chỉ đạo Trung tâm nước sinh hoạt và Vệ sinh môi trường nông thôn tổ chức thực hiện quản lý đầu tư xây dựng công trình, quyết toán theo đúng quy định; chủ trì tổ chức quy trình chuyển nhượng công trình, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định (giao Trung tâm Nước sinh hoạt và Vệ sinh môi trường nông thôn là cơ quan đầu mối tham mưu, tổng hợp).

Chịu trách nhiệm giám sát, kiểm tra việc tuân thủ các quy định của Nhà nước về cung cấp nước sạch, chất lượng nước và giá bán nước sạch trên địa bàn tỉnh.

b) Sở Tài chính: Thực hiện thẩm định quyết toán công trình; thẩm định giá chuyển nhượng; tham mưu UBND tỉnh cơ chế, chính sách hỗ trợ Doanh nghiệp đầu tư, kinh doanh nước sạch trên địa bàn tỉnh; hàng năm thẩm định, trình UBND tỉnh ban hành khung giá nước sạch theo quy định của Bộ Tài chính trên địa bàn tỉnh.

c) Sở Y tế: Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giám sát chất lượng nước của các nhà máy cấp nước tập trung trên địa bàn tỉnh; tuyên truyền, phổ biến cho cộng đồng nhận thức được lợi ích của việc sử dụng nước sạch hợp vệ sinh cho sinh hoạt và các dịch vụ kinh doanh có sử dụng nước sạch trên địa bàn tỉnh.

d) Điện lực Hưng Yên: Tiếp nhận lại các công trình Trạm biến áp và đường dây được xây dựng từ công trình cấp nước nông thôn để Quản lý, vận hành và cấp điện ưu tiên cho các nhà máy cấp nước sạch, đảm bảo các nhà máy có điện vận hành 24/24 để phục vụ sản xuất và sinh hoạt ổn định cho nhân dân; áp dụng mức giá điện ưu tiên cho các nhà máy cấp nước sạch tập trung.

e) Sở Tài nguyên môi trường: Chủ trì, hướng dẫn Trung tâm Nước sinh hoạt và VSMTNT tỉnh, UBND các huyện hoàn thiện hồ sơ, Hợp đồng thuê đất và các thủ tục khác theo quy định cho các đơn vị, Doanh nghiệp nhận chuyển nhượng công trình.

f) Các sở, ngành, địa phương và cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ nội dung Quy định này tổ chức thực hiện.

2. Các nội dung khác, ngoài Quy định này, áp dụng theo Thông tư số 54/2013/TT-BTC ngày 04/5/2013 của Bộ Tài Chính quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung.

3. Trong quá trình triển khai thực hiện, trường hợp cơ quan nhà nước cấp trên ban hành văn bản có quy định khác nội dung tại Quy định này thì thực hiện theo quy định của cơ quan nhà nước cấp trên ban hành. Trường hợp có khó khăn vướng mắc đề nghị các tổ chức cá nhân phản ánh thông qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./ *A*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**



Đặng Ngọc Quỳnh